

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 09 - 2024

“V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Đức Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Siu Tư Lul.

2. Ông Đỗ Trí Thuyết .

Thư ký phiên tòa: Tào Thị Mỹ Huệ, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngân, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 09 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2024/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1979. Có mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai.

2. **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Đông X, sinh năm 1975. Có mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày :

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Đông X qua thời gian tìm hiểu, yêu thương đã tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 02 /03/2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Trong đời sống vợ chồng dần phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra

mâu thuẫn, tranh cãi, bất hoà. Dù đã rất nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Anh **L** hiện nay cũng đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà khi có việc, nhưng khi về nhà tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, anh chị không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Nay tình cảm yêu thương vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị **Nguyễn Thị Đông X**.

Về con chung: Anh **Nguyễn Văn L** và chị **Nguyễn Thị Đông X** có 01 con chung là cháu **Nguyễn Quang H**, sinh ngày 30/11/2005, cháu **H** đã trưởng thành, có khả năng lao động cháu ở với ai là quyền của cháu nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị **Nguyễn Thị Đông X** trình bày:*

Chị công nhận đúng như anh **L** trình bày là chị và anh tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn vào ngày 02/03/2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn **C**, huyện **C**, tỉnh **Gia Lai**. Trong quá trình chung sống, vợ chồng cũng có lúc mâu thuẫn lý do là có sự hiểu lầm rồi giận hờn nhau nhưng sau đó mọi chuyện lại yên ổn. Đối với yêu cầu ly hôn của anh **L** thì chị **X** không đồng ý, vì trước đến giờ chị luôn mong muốn gia đình được đầy đủ vợ chồng con cái, các thành viên trong gia đình thương yêu nhau, nhất là cháu **H** cần được sống trong một gia đình có đầy đủ tình thương yêu, sự giáo dục của cả cha lẫn mẹ. Còn bản thân chị vẫn còn tình cảm với anh **L**. Chính vì vậy, chị không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Chị và anh **Nguyễn Văn L** có 01 con chung là cháu **Nguyễn Quang H**, sinh ngày 30/11/2005. Hiện nay cháu **H** đã trưởng thành có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự.

Về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 56, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Nguyễn Văn L** được ly hôn với chị **Nguyễn Thị Đông X**. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 23/02/2024, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L có đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” và nộp kèm các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức nội dung đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn L đúng quy định, chị Nguyễn Thị Đông X có địa chỉ tại Thôn A, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Đông X thấy rằng: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Đông X chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 02/03/2005 tại Ủy ban nhân thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Quan hệ hôn nhân của anh chị được xác lập trên cơ sở tự nguyện và đảm bảo các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Đông X đều thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng về quan điểm sống, không còn tìm được tiếng nói chung trong đời sống vợ chồng, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh L kiên quyết xin ly hôn, chị X giữ nguyên mong muốn được quay về đoàn tụ để gia đình được đầy đủ vợ chồng và cùng nuôi dạy con cái. Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã phân tích, giải thích về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, động viên anh Nguyễn Văn L rút đơn khởi kiện để quay về đoàn tụ nhưng anh L kiên quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình với lý do tình cảm vợ chồng không còn.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Đông X là có thật, anh Lưu k còn tình cảm yêu thương chị X nên kiên quyết xin ly hôn, mâu thuẫn giữa vợ, chồng sâu sắc đến mức không thể hòa giải, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Việc tiếp tục chung sống là bất hạnh lớn của vợ chồng, ảnh hưởng xấu tới cuộc sống của những thành viên trong gia đình, đặc biệt là tới việc chăm sóc, giáo dục con cái; sự tồn tại quan hệ hôn nhân đó không thể xây dựng được một gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Do đó căn cứ các Điều 19, 21, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L, xử cho anh Nguyễn Văn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Đông X.

Xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa chị Phan Thị P và anh Lê Diên H1 D là có thật. Những mâu thuẫn giữa vợ, chồng sâu sắc đến mức không thể hòa giải, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt không thể hàn gắn. Việc tiếp tục chung sống là bất hạnh lớn của vợ chồng, ảnh hưởng xấu tới cuộc sống của những thành viên trong gia đình, đặc biệt là tới việc chăm sóc, giáo dục con cái; sự tồn tại quan hệ

hôn nhân đó không thể xây dựng được một gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Đông X có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 30/11/2005. Cháu H hiện nay đã trưởng thành, có khả năng lao động, anh L và chị X đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn đề sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 19, 21, 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự ; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Đông X.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004930 ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê, anh L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND huyện Chư Sê;
- Chi cục THADS huyện Chư Sê;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- UBND thị trấn Chư Sê, H. Chư Sê, T. Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vương Đức Phượng